





TIỂU LUẬN:

**Báo cáo tổng hợp tại
công ty bia Việt Hà**



Phần I:

Một số nét khái quát về công ty:

1. Quá trình hình thành và phát triển:

Sự ra đời và phát triển của công ty bia Việt Hà có thể chia làm 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Tiền thân của nhà máy là hợp tác xã cao cấp Ba Nhất chuyên sản xuất dấm, mỳ, nước chấm để phục vụ nhân dân thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận. Tháng 6/1966 UBND thành phố Hà Nội quyết định chuyển sở hữu tập thể lên sở hữu toàn dân và HTX cao cấp Ba Nhất được đổi tên thành Xí nghiệp nước chấm trực thuộc sở công nghiệp Hà Nội, chuyên kinh doanh những mặt hàng chủ yếu là nước chấm, dấm, tương...với phương tiện lao động thủ công, đơn sơ, sản xuất theo chỉ tiêu pháp lệnh, giao nộp để phân phối theo chế độ tem phiếu.

Nghị quyết hội nghị trung ương VI và nghị quyết 25, 26 CP ngày 21/10/1981 của Chính phủ cho phép các xí nghiệp tự lập kế hoạch, một phần tự khai thác vật tư nguyên liệu và tự tiêu thụ. Thực hiện nghị quyết này xí nghiệp đã áp dụng cơ chế đa dạng hóa sản phẩm với nhiều chủng loại mặt hàng như: rượu, mỳ sợi, dầu ăn, bánh phồng tôm, kẹo các loại...phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng. Với thành tích đó ngày 25/6/1982 Xí nghiệp được đổi tên thành nhà máy thực phẩm Hà Nội theo quyết định 1652 QĐUB của UBND thành phố Hà Nội. Lúc này nhà máy có khoảng 500 công nhân, sản xuất vẫn mang tính thủ công.

Trong thời kỳ này, tuy đã có nhiều cố gắng trong nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới nhưng do nguồn cung ứng các sản phẩm gặp nhiều khó khăn và do biến động giá cả nên tình hình sản xuất của nhà máy gặp nhiều khó khăn. Để tháo gỡ tình trạng này, nhà máy đã có nhiều biện pháp năng động, trong đó có áp dụng phương pháp tiền lương sản phẩm theo kết quả cuối cùng. Điều này đã trở thành động lực để kích thích sản xuất phát triển.

_ Giai đoạn 2:

Thời kỳ 1987 – 1993 có những thay đổi lớn trong chính sách vĩ mô của nhà nước theo quy định số 217/HĐBT ngày 14/11/1987 đã xác lập và khẳng định quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Theo đó, nhà máy được hoàn toàn tự chủ về tài chính, được quyền huy động và sử dụng mọi nguồn vốn, tự xác định phương án sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường và khả năng doanh nghiệp, tuy nhiên với một cơ sở vật chất yếu kém cùng với một đội ngũ kỹ thuật địa phương đã hạn chế phần nào tính năng động cũng như năng lực tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Bởi vậy để đa dạng hóa sản phẩm, nhà máy đã mạnh dạn vay 2 tỷ đồng của quỹ SIDA để lắp đặt dây chuyền sản xuất chai nhựa, tổ chức sản xuất nước chấm và lạc bọc đường xuất khẩu sang Đông Âu và Liên Xô. Nhờ đó, nhà máy đã tạo được việc làm cho 600 công nhân. Song đến năm 1990, Đông Âu biến động, nhà máy mất nguồn tiêu thụ, không thể sản xuất mặt hàng này. Thời gian này, nhà máy hầu như không sản xuất chờ giải thể. Đứng trước tình hình khó khăn, ban lãnh đạo nhà máy đã đề ra mục tiêu chính là: Đổi mới công nghệ, đầu tư chiều sâu, tìm phương hướng sản xuất sản phẩm có giá trị cao, liên doanh liên kết trong và ngoài nước. Được các cấp, các ngành giúp đỡ, nhà máy đã quyết định đi vào sản xuất bia. Đây là hướng đi dựa trên nghiên cứu về thị trường, nguồn vốn và phương hướng lựa chọn kỹ thuật và công nghệ. Nhà máy đã mạnh dạn vay vốn đầu tư mua thiết bị sản xuất bia hiện đại của Đan Mạch để sản xuất bia lon HALIDA. Tháng 6/1992 nhà máy được đổi tên thành nhà máy bia Việt Hà theo quyết định 1224 QĐUB. Chỉ sau 3 tháng, bia Halida đã thâm nhập và khẳng định vị trí của mình trên thị trường.

Khi Mỹ bỏ cấm vận thương mại đối với Việt Nam, hàng loạt hãng bia và nước giải khát lớn trên thế giới đã vào thị trường Việt Nam. Nhà máy xác định cần thiết phải mở rộng sản xuất và tất yếu phải liên doanh với nước ngoài. Ngày 1/4/1993 nhà máy ký hợp đồng liên doanh với hãng bia CARBERG nổi tiếng của Đan Mạch được UBND về hợp tác và đầu tư phê duyệt và tháng 10/1993 liên doanh chính thức đi vào hoạt động. Trong liên doanh, nhà máy góp cổ phần là 40%. Nhà máy liên doanh mảng bia lon, sau đó liên doanh được tách ra thành nhà máy bia Đông Nam á. Nhà máy bia Việt Hà chuyên sản xuất bia hơi.

Ngày 2/1/1994 nhà máy đổi tên thành công ty bia Việt Hà theo quyết định 2817/QĐUB của UBND thành phố Hà Nội tại địa chỉ 254 Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội.

Năm 1997, nhà máy quyết định nhập dây chuyền sản xuất nước khoáng với sản phẩm có tên gọi Opal, hiện sản phẩm này đang trong giai đoạn chế thử và thâm nhập thị trường.

Năm 1998 theo quyết định số 35/98/QĐUB ngày 15/9/1998/ của UBND thành phố Hà Nội, công ty tiến hành cổ phần hóa 1 phân xưởng tạo 57 Quỳnh Lôi thành công ty cổ phần hưởng ứng chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, công ty bia Việt Hà giữ cổ phần chi phối là 20 %.

Năm 1999, theo quyết định 5775/QĐUB của UBND thành phố Hà Nội ngày 29/12/1999, công ty bia Việt Hà được phép cổ phần hóa tiếp một bộ phận của doanh nghiệp là trung tâm thể dục thể thao tại 493 Trương Định thành công ty cổ phần, công ty giữ 37% số vốn điều lệ.

2. Chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Công ty bia Việt Hà là doanh nghiệp nhà nước, hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân, tự chủ về tài chính, có con dấu riêng, hoạt động theo luật doanh nghiệp nhà nước, thuộc UBND thành phố Hà Nội dưới sự quản lý trực tiếp của sở công nghiệp Hà Nội.

Sản xuất kinh doanh của công ty được phát triển theo hướng đa dạng hóa ngành nghề, bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh các loại bia, nước khoáng...

- Xuất khẩu các sản phẩm của công ty và sản phẩm liên doanh, nhập khẩu thiết bị, nguyên liệu, hóa chất cho nhu cầu sản xuất của công ty và thị trường.

- Liên doanh liên kết với các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước, làm đại lý, đại diện mở cửa hàng dịch vụ, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm của công ty và sản phẩm liên doanh.

Nhiệm vụ chủ yếu của công ty là tập trung vào sản xuất bia hơi và từng bước đưa sản phẩm nước khoáng vào thị trường. Do đó, đòi hỏi công ty phải từng bước cụ thể hóa nhiệm vụ chủ yếu này theo các bước:

1. Duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm bia hơi.

2. Từng bước chiếm lĩnh thị trường không những trong địa bàn Hà Nội mà còn mở rộng ra các tỉnh phụ cận.

3. Từng bước nâng cao trình độ, tay nghề của đội ngũ cán bộ CNV để nắm bắt kịp thời công nghệ mới của thế giới nhằm thúc đẩy sự phát triển của công ty.

3. Bộ máy tổ chức và quản lý của công ty

Để đảm bảo việc tổ chức quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo kiểu trực tuyến chức năng.

- Đứng đầu là giám đốc công ty, người có quyền cao nhất trong công ty, vừa là đại diện cho nhà nước, vừa đại diện cho công nhân viên chức, có trách nhiệm quản lý, điều hành mọi hoạt động của công ty trên cơ sở chấp hành đúng đắn chủ trương, chính sách, chế độ của nhà nước, chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh của công ty.

Giúp việc cho giám đốc là 3 phó giám đốc:

- Phó giám đốc kỹ thuật:

Chịu trách nhiệm với giám đốc về chỉ đạo kiểm tra kỹ thuật, đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất. Cụ thể là nghiên cứu quy trình kỹ thuật, công nghệ, đảm bảo an toàn máy móc, giải quyết những khó khăn bất trắc về kỹ thuật sản xuất. Nghiên cứu đề xuất

các vấn đề về an toàn lao động, trang bị dụng cụ, bảo hộ lao động...thực hiện các biện pháp ngăn ngừa tai nạn lao động. Trực tiếp chỉ đạo phòng KCS.

- Phó giám đốc tổ chức:

Chịu trách nhiệm trong việc sử dụng và quản lý lao động một cách hợp lý, tổ chức tốt đời sống tinh thần và vật chất cho cán bộ công nhân viên.

- Phó giám đốc tài chính kinh doanh:

Chịu trách nhiệm về toàn bộ việc lên kế hoạch sản xuất, tình hình nguyên vật liệu, việc tiêu thụ sản phẩm, quản lý tình hình tài chính của công ty...

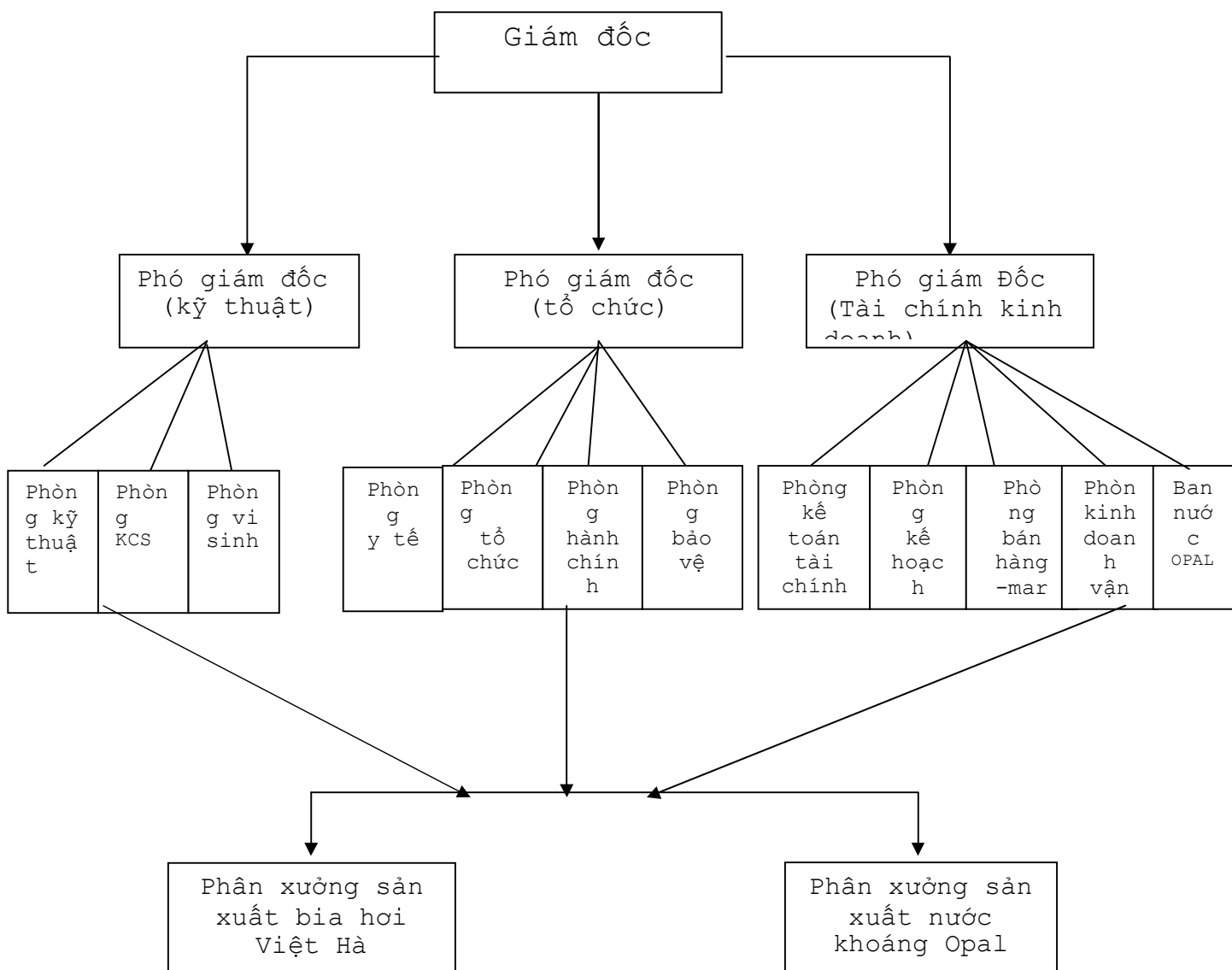
Ngoài ra còn có một kế toán trưởng, trực tiếp chỉ đạo công tác kinh tế, chịu trách nhiệm mọi mặt về tài chính của công ty.

Tiếp đến là các phòng ban phân xưởng:

- + Phòng kế toán tài chính
- + Phòng kế hoạch vật tư
- + Phòng bán hàng – marketing
- + Ban kinh doanh vận tải
- +Ban nước khoáng OPAL
- + Phòng kỹ thuật
 - + Phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm
 - + Phòng vi sinh
 - + Phòng y tế
 - + Phòng tổ chức
 - +Phòng hành chính
 - + Phòng bảo vệ

Các phòng ban chức năng chịu sự điều hành trực tiếp của các phó giám đốc, ngoài việc thực hiện chức năng của mình còn phải có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm kiểm tra, đối chiếu số liệu và giúp đỡ nhau hoàn thành công việc được giao. Nhìn chung bộ máy quản lý của công ty tương đối gọn nhẹ, được phân công nhiệm vụ rõ ràng và có sự quản lý chặt chẽ đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh mà công ty đã đặt ra.

Có thể khái quát bộ máy tổ chức của công ty bia Việt Hà như sau:

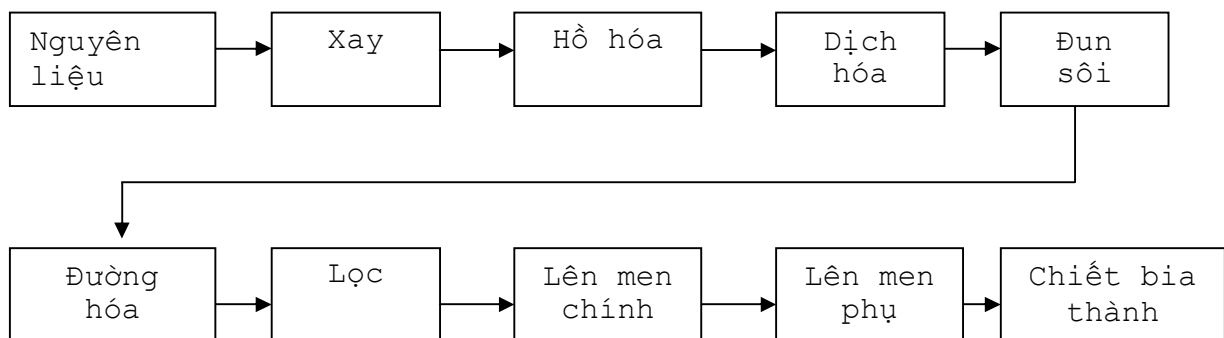


4. Đặc điểm tổ chức bộ máy sản xuất:

a. Quy trình công nghệ sản xuất bia:

Nguyên liệu chủ yếu sản xuất bia bao gồm: Malt, hoa hublon, gạo tẻ và các chất phụ gia khác.

Trong đó thành phần chính là malt (lúa mạch qua sơ chế) chưa rang được nhập khẩu chủ yếu của Đan Mạch, Anh... Hoa hublon tạo hương vị bia cũng được nhập khẩu từ Đan Mạch hoặc Đức. Còn các nguyên liệu khác mua trong nước như gạo, chất trợ lọc... được mua bằng các nguồn hàng truyền thống của công ty với giá ưu đãi. Ta có thể tóm tắt quy trình sản xuất theo sơ đồ sau:



b. Tổ chức bộ máy sản xuất:

Việc tổ chức sản xuất sản phẩm được tiến hành hoàn toàn phù hợp với quy trình công nghệ sản xuất. Công ty có 2 phân xưởng chính, ở mỗi phân xưởng đều có các tổ sản xuất giống nhau. Công nhân làm việc theo ca. ở mỗi phân xưởng có một quản đốc và một phó quản đốc, dưới đó là các trưởng ca.

Một ca lại chia thành các tổ.

_ Các tổ sản xuất chính: Là những tổ liên quan trực tiếp đến việc sản xuất tạo ra sản phẩm. Gồm:

- + Tổ nấu: chuyên làm nhiệm vụ nấu bia
- + Tổ men: chia thành các nhóm làm nhiệm vụ ủ men, lên men chính, lên men phụ.
- + Tổ lạnh: có nhiệm vụ cung cấp lạnh cho quá trình lên men và bảo quản bia
- + Tổ chiết bia (tổ thành phẩm): có nhiệm vụ chiết bia hơi vào bom thùng với các kích cỡ khác nhau

_Các tổ phụ trợ: Là những tổ liên quan gián tiếp đến việc sản xuất bia nhưng cũng có vai trò rất quan trọng trong việc bảo đảm cho quá trình sản xuất được liên tục. Bao gồm:

- + Tổ lò hơi: cung cấp hơi nóng cho quá trình nấu bia
- + Tổ xe than: cung cấp than cho lò hơi
- + Tổ điện: có nhiệm vụ quản lý và cung cấp điện phục vụ sản xuất và sửa chữa khi có sự cố về điện.
- + Tổ xe xỉ: có nhiệm vụ vận chuyển xỉ than của lò hơi ra khỏi lò
- + Tổ vận chuyển: làm nhiệm vụ vận chuyển nguyên vật liệu thô từ kho đến phân xưởng phục vụ sản xuất
- + Tổ xử lý nước: xử lý và làm sạch nước phục vụ sản xuất
- + Tổ đời sống: phục vụ ăn ca cho CBCNV
- + Văn phòng phân xưởng: có nhiệm vụ quản lý các công việc của phân xưởng.

Phần II

Tình hình sản xuất kinh doanh của công ty

trong những năm gần đây:

1. Báo cáo kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu		Năm 1999	Năm 2000	Năm 2001
Tổng doanh thu	01	47.574.480.587	51.670.040.563	55.239.252.656
Các khoản giảm trừ:4+5+6+7	03	13.696.960.254	14.226.796.385	
+Chiết khấu	04		1.313.004	
+Giảm giá	05			
+Hàng bán bị trả lại	06			
Thuế TTĐB, XK phải nộp	07	13.696.960.254	14.225.483.381	17.153.898.816
1.Doanh thu thuần:01-03	10	33.877.520.333	37.443.244.178	38.085.353.840
2.Giá vốn hàng bán	11	19.344.235.088	24.195.229.870	24.975.897.067
3. Lợi nhuận gộp(10-11)	20	14.533.285.245	13.248.014.308	13.127.456.773
4.Chi phí bán hàng	21	1.380.028.570	3.012.364.171	3.741.725.953
5.Chi phí quản lý DN	22	3.771.769.942	3.435.144.376	3.456.751.326
6.LN thuần từ hoạt động KD	30	9.381.486.733	6.800.505.761	5.928.979.494
7.TN nhập hoạt động tài chính	31	1.432.009.449	1.013.510.060	524.483.086
8.Chi phí hoạt động tài chính	32	7.500.000		267.610.000
9.LN thuần từ HĐTC(31-32)	40	1.424.509.449	1.013.510.060	256.873.086
10.Thu nhập bất thường	41			32.279.000
11. Chi phí bất thường	42			
12.LN bất thường(41-42)	50			32.279.000
13. LN trước thuế(30+40+50)	60	10.805.996.182	7.814.015.821	6.218.131.580

14.Thuế TNDN phải nộp	70	3.457.918.778	2.500.485.063	1.989.802.105
15 Ln sau thuế(60-70)	80	7.348.077.404	5.313.530.758	4.228.329.475

Nhìn vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong 3 năm gần đây, ta có thể nhận thấy một số điều cơ bản sau đây:

1. Nhìn chung công ty làm ăn có lãi.

Tuy nhiên ta thấy rằng mặc dù tổng doanh thu của công ty ngày càng tăng nhưng lợi nhuận lại ngày càng giảm. Cụ thể lợi nhuận sau thuế của năm 2000 chỉ bằng 72,31% so với năm 1999, lợi nhuận sau thuế của năm 2001 chỉ bằng 57,54% so với năm 1999, bằng 79,57% so với năm 2000.

Ta có thể tính chỉ tiêu doanh lợi tiêu thụ sản phẩm:

$$\text{- Năm 1999: } \frac{73480774404}{47574480587} = 15,44\%$$

$$\text{- Năm 2000: } \frac{5313530758}{5167004058} = 10,28\%$$

$$\text{- Năm 2001: } \frac{4228329475}{5523925266} = 7,6\%$$

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, nhưng nguyên nhân chủ yếu là do chi phí mua nguyên vật liệu ngày càng đắt, quá phụ thuộc vào thị trường nước ngoài (do phải nhập khẩu) và do chi phí bán hàng cũng ngày càng tăng. Để khắc phục ta có thể:

+ Cố gắng chủ động trong vấn đề nguyên nhiên vật liệu: Tìm kiếm những nguồn cung cấp nguyên liệu đảm bảo, ổn định, cố gắng tìm và sử dụng những nguồn hàng trong nước có chất lượng, hạn chế nhập khẩu.

+ Xây dựng một hệ thống phân phối sản phẩm quy củ, hiệu quả: Tăng cường mở các đại lý, có chế độ khen thưởng khi bán được nhiều hàng, tìm cách giảm chi phí chuyên chở...

2. Nhìn vào bảng ta cũng thấy lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính giảm, rõ nét nhất là vào năm 2001, chỉ còn bằng khoảng 20% của năm trước. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này. Nhưng nguyên nhân chủ yếu là do đầu tư vào chứng khoán ngắn hạn không hiệu quả. Công ty cần phải thận trọng hơn trong việc đầu tư vào các hoạt động tài chính của mình.

2. Bảng cân đối kế toán

Tài sản	Năm 1999	Năm 2000	Năm 2001
A.TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	20.751.945.258	22.156.113.509	22.283.209.424
I. Tiền	12.322.550.070	7.479.541.406	13.029.320.718
II.Đầu tư TChính ngắn hạn		1.236.750.000	
III. Khoản phải thu	4.907.545.369	7.471.755.433	5.160.071.010
IV. Hàng tồn kho	3.205.211.525	5.726.987.872	3.515.201.639
V. Tài sản lưu động	316.638.294	241.087.798	578.634.057
B - TSCĐ, đầu tư dài hạn	94.575.088.888	107.046.066.888	106.567.333.838
I. Tài sản cố định	18.936.940.316	15.984.412.909	14.073.329.859
II. Đầu tư tài chính dài hạn	75.638.148.572	89.867.000.000	91.227.000.000
III. Chi phí XD CB dở dang		1.194.653.979	1.267.103.979
Tổng tài sản	115.327.034.146	129.202.180.397	128.850.543.262
Nguồn vốn			
A. Nợ phải trả(ngắn hạn)	12.150.927.533	11.077.014.313	7.985.339.331
B. Vốn chủ sở hữu	103.176.106.613	118.125.166.084	120.865.203.931
Tổng nguồn vốn	115.327.034.146	129.202.180.397	128.850.543.262

Căn cứ vào bảng cân đối kế toán của công ty vào cuối năm ta có thể tính một số chỉ tiêu phân tích tài chính cơ bản sau:

Chỉ tiêu	Năm 1999	Năm 2000	Năm 2001
1.Khả năng thanh toán hiện hành	1,7	2,06	2,8
2.Khả năng thanh toán nhanh	1,44	1,48	2,35
3.Hệ số nợ(nợ/tổng tài sản)	0,1	0,085	0,062
4.Vòng quay tiền	2,75	4,29	2,92
5.Kỳ thu tiền bình quân	52	48,7	71
6.Hiệu suất sử dụng TSCĐ	1,788	2,34	2,7
7.Hiệu suất sử dụng tổng tài sản	0,29	0,28	0,295
8.Doanh lợi tiêu thụ sản phẩm	15,44%	10,28%	7,6%
9.Doanh lợi vốn tự có	7%	4,5%	3,5%
10.ROI	6,37%	4,11%	3,28%

Nhìn vào các chỉ tiêu tài chính trên, ta thấy nổi bật lên một điều là tình hình kinh doanh của công ty trong những năm gần đây có chiều hướng giảm sút.

Bất kỳ một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh cũng có mục tiêu quan trọng là lợi nhuận. Để có được lợi nhuận, lợi nhuận tối đa cần phải có nhiều nhân tố khác nhau. Trong đó việc quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả là một trong những nhân tố vô cùng quan trọng.

Cũng như các doanh nghiệp khác, bài toán đặt ra với công ty bia Việt Hà là làm thế nào để quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn được cấp để tạo ra nhiều sản phẩm cho người

tiêu dùng và là một đơn vị làm ăn ngày càng có lãi. Do đó, em chọn đề tài nghiên cứu:
“Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty bia Việt Hà”